

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH GIANG
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 28-8-2017
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH GIANG, TỈNH HẢI DƯƠNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cường.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lã Thị Nhung và bà Vũ Thị Lan.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Vũ Cao Nguyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:*** Ông Vũ Xuân Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 83/2017/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2017 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2017/QĐXXST-DS ngày 11/8/2017, giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** Chị **Nhữ Thị H**, sinh năm 1991.

Hộ khẩu thường trú: xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương. Nơi ở hiện tại: Thôn Bình Đề, xã B, huyện B, tỉnh Hải Dương

Chị H có mặt tại phiên tòa.

2. ***Bị đơn:*** Anh **Bùi Văn N**, sinh năm 1990. Địa chỉ: Thôn K, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương.

Anh N có mặt tại phiên tòa.

3. ***Người làm chứng:***

3.1. Bà Vũ Thị K, sinh năm 1955.

Địa chỉ: Thôn K, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương.

Bà K vắng mặt tại phiên tòa.

3.2 Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1956.

Địa chỉ: Thôn V, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương.

3.3. Bà Phí Thị D, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Thôn K, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương.

Bà T, bà D có mặt tại phiên tòa.

NỘI D VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 17/6/2017, bản tự khai và các biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Nhữ Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Bùi Văn N kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T vào năm 2014. Sau khi kết hôn vợ chồng chị sống cùng với gia đình nhà chồng tại thôn K, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương. Trong quá trình chung sống vợ chồng chị nảy sinh mâu thuẫn từ ngày chị sinh con được một tháng rưỡi (khoảng tháng 5/2015). Nguyên nhân là do anh N có quan hệ bất chính với người vợ cũ của anh N nên không quan tâm chăm sóc chị và con chung. Chị đã ly thân anh N về sống cùng mẹ đẻ tại thôn V, xã T, huyện B từ tháng 5/2015 đến nay. Anh N từ đó cũng không quan tâm gì đến chị và con nhỏ nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, quan hệ vợ chồng không thể đoàn tụ, nên chị xin ly hôn với anh Bùi Văn N.

Về con chung: Vợ chồng chị có một con chung là cháu Bùi Sơn N sinh ngày 11 tháng 3 năm 2015, chị yêu cầu được nuôi dưỡng con cho đến khi con đủ 18 tuổi và yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với mức cấp dưỡng là 1.500.000đ một tháng, tại phiên tòa, chị thay đổi yêu cầu xuống còn 1.000.000 đồng/tháng. Về điều kiện của chị H hiện tại: Chị làm công ty, thu nhập bình quân khoảng 6 triệu đồng/tháng.

Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, bị đơn là anh Bùi Văn N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân anh và chị Nhữ Thị H kết hôn với nhau tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban Nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương vào năm 2014. Sau khi kết hôn vợ chồng về sống cùng bố mẹ đẻ của anh N. Vợ chồng anh sống hạnh phúc đến khi chị H sinh con thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị H cho rằng anh và gia đình nhà chồng không quan tâm chăm sóc chị và con chung. Chị H đã chửi bới đập phá đồ đạc trong gia đình khiến chính quyền địa phương phải can thiệp, sau đó chị H đã bế con về nhà bố mẹ đẻ ở vào tháng 5 năm 2015. Một thời gian sau, chị H lại quay về xin lỗi anh và gia đình, nhưng chị H vẫn tiếp tục gây mâu thuẫn với anh và gia đình nhà chồng, sau đó chị H bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở hẳn cho đến nay, không quay lại sống cùng anh nữa, tuy vậy thỉnh thoảng chị H vẫn quay lại gây sự, thậm chí gần đây giữa hai bên đã xảy ra xô xát. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn và cuộc sống quá chung quá căng thẳng, nên anh hoàn toàn nhất trí ly hôn chị H.

Về con chung: vợ chồng anh có một con chung là Bùi Sơn N, sinh ngày 11 tháng 3 năm 2015. Hiện nay con đang ở với chị H. Anh không nhất trí với yêu cầu của chị H về việc nuôi con mà anh có nguyện vọng được nuôi con cho đến khi con thành niên và tự nguyện không yêu cầu chị H cấp dưỡng tiền nuôi con. Còn nếu trường hợp Tòa án vẫn giao cho chị H nuôi dưỡng con chung, anh có trách nhiệm

cấp dưỡng nuôi con theo khả năng của mình, nhưng anh không xác định mức cấp dưỡng cụ thể.

Về tài sản chung: anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về chứng cứ trong vụ án:

- Bản tự khai, biên bản lấy lời khai của chị H, anh N.
- Tài liệu chứng cứ chị H nộp: Giấy chứng nhận kết hôn; Giấy khai sinh của con chung; sổ hộ khẩu gia đình.
- Lời khai của người làm chứng là bà Phí Thị D, mẹ đẻ của anh N và lời khai của bà Vũ Thị K, là hàng xóm của anh N cùng xác định:

Sau khi kết hôn vợ chồng anh N nảy sinh mâu thuẫn Nguyên nhân do chị H cho rằng anh N không quan tâm đến con và có nghi ngờ anh quay lại với người vợ cũ. Do vậy chị H thường xuyên gây sự thậm chí đánh anh N. Sau khi sinh con một thời gian thì chị H đã bế con bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn V, xã T, huyện B từ khoảng tháng 6 năm 2015, đến nay vẫn sống ở đó. Tuy nhiên chị vẫn về gặp anh N và vợ chồng xảy ra xô xát. Nay chị H xin ly hôn, bà D có quan điểm xác định vợ chồng anh chị tình cảm không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn. Về con chung, chị H và anh N có một con là Bùi Sơn N, đang ở với chị H. Về công việc, anh N hiện làm nông N cùng với gia đình bà và có thu nhập thấp.

- Lời khai của người làm chứng bà Nguyễn Thị T là mẹ đẻ của chị Nhữ Thị H: Trong quá trình chung sống, vợ chồng chị H mâu thuẫn dẫn đến ly thân. Hiện nay chị H đang thuê nhà ở thôn Bình Đê, xã B, huyện B, tỉnh Hải Dương để chị H và con nhỏ nào cùng ở đó. Bản thân bà cũng đang ở nhà thuê cùng chị H để giúp chị trông nom con. Hiện tại cháu N khỏe mạnh của bình thường. Nếu tòa án giao con cho chị H chăm sóc, bà T sẽ hỗ trợ chị để chăm sóc con.

- Kết quả xác minh tại địa phương nơi cư trú của anh N: Vợ chồng anh N, chị H thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi nhau thậm chí chị H còn gây sự đánh anh N, chửi bới cả bố mẹ chồng. Nguyên nhân do chị H lười làm và hay đòi hỏi gia đình nhà chồng, khi không đáp ứng được lại gây sự. Chị H đã bế con bỏ đi khỏi gia đình anh gần được hơn một năm nay, nhưng vẫn thường xuyên về gây sự với anh N, làm mất trật tự thôn xóm. Về công việc, anh N hiện làm nông N phụ giúp bố mẹ và có làm thêm phụ vữa, nhưng công việc không ổn định, thu nhập thấp và vẫn sống phụ thuộc bố mẹ.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của pháp luật trong thụ lý, xây dựng hồ sơ vụ án, tổ chức hòa giải và điều hành phiên tòa.

- Về giải quyết vụ án:

Chị H và anh N kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Trong quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, dẫn đến ly thân, không quan tâm gì đến nhau. Nay anh chị cùng xác định tình cảm

vợ chồng không còn, chị H yêu cầu ly hôn, anh N hoàn toàn nhất trí. Áp dụng khoản 1 Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nhữ Thị H và anh Bùi Văn N.

Về con chung: Giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng con Bùi Sơn N, sinh ngày 11/3/2015 đến khi con đủ 18 tuổi.

Anh N có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung hàng tháng là 700.000 đồng, cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, được đối trừ vào số tiền nộp tạm ứng án phí sơ thẩm. Anh N phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Nhữ Thị H và anh Bùi Văn N đều có mặt tại phiên tòa, nên Tòa án xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2]. Về nội D vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nhữ Thị H và anh Bùi Văn N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban Nhân dân xã T vào năm 2014, là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống vợ chồng chị H, anh N nảy sinh mâu thuẫn nguyên nhân một mặt từ phía chị H nghi ngờ anh N có quan hệ qua lại với người vợ cũ và không quan tâm chăm sóc đến vợ con, mặt khác chị H hay đòi hỏi anh N và gia đình nhà chồng, khi không được anh N đáp ứng thì gây sự. Do vậy giữa vợ chồng anh chị đã xảy ra mâu thuẫn căng thẳng, chị H đã bỏ về sống tại nhà bố mẹ đẻ ở thôn V, xã T, huyện B từ năm 2015 cùng với con nhỏ, sau đó chị đi thuê nhà và hiện tại đang sống tại xã B, huyện B từ năm 2015 đến nay. Từ khi vợ chồng ly thân, chị H và anh N không những không giải quyết được mâu thuẫn, ngược lại mâu thuẫn tiếp tục diễn biến căng thẳng bằng việc chị H về gia đình anh N gây sự, thậm chí còn xảy ra xô xát. Nay chị H xác định tình cảm không còn và xin ly hôn với anh N, anh N cũng nhất trí xác định tình cảm vợ chồng không còn và đồng ý ly hôn. Xét thấy tình cảm vợ chồng của anh N và chị H không còn, việc anh chị cùng nhất trí ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, nên cần căn cứ vào quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình, công nhận sự thuận tình ly hôn của chị H và anh N

[2.2]. Về quan hệ con chung:

Chị H và anh N có một con chung là Bùi Sơn N sinh ngày 11 tháng 3 năm 2015. Tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm cháu N chưa đủ 36 tháng tuổi. Chị H có nguyện vọng được nuôi con chung, nên cần áp dụng quy định tại điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình xử giao con Bùi Xuân N cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cho

đến khi con đủ 18 tuổi. Anh N không trực tiếp nuôi dưỡng con chung, có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con hàng tháng. Xét yêu cầu của chị H về mức cấp dưỡng hàng tháng là 1.500.000đ, thấy rằng hoàn cảnh hiện tại của anh Bùi Văn N gặp nhiều khó khăn vì anh N làm nông N, thu nhập thấp, do vậy mức cấp dưỡng chị H đưa ra là cao so với khả năng thực tế của N. Căn cứ và khả năng kinh tế của anh N cũng như xét điều kiện giá cả, sinh hoạt chung tại địa phương, Hội đồng xét xử thấy cần buộc anh N cấp dưỡng nuôi con hàng tháng cho chị H là 800.000 đồng/tháng, cùng với mức thu nhập bình quân của chị H hiện là 6 triệu đồng/ tháng là phù hợp với điều kiện của anh N và vẫn đảm bảo có thể góp phần cùng chị H chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

[2.3] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4]. Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chị Nhữ Thị H là nguyên đơn, phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng; Anh N có nghĩa vụ cấp dưỡng, phải chịu án phí cấp dưỡng là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015; Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nhữ Thị H và anh Bùi Văn N.

- Về quan hệ con chung: Xử giao cho chị Nhữ Thị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung Bùi Sơn N, sinh ngày 11/3/2015 (hiện đang sống cùng chị H) kể từ khi ly hôn cho đến khi con đủ 18 tuổi. Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

Về cấp dưỡng tiền nuôi con chung: Buộc anh Bùi Văn N cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị Nhữ Thị H hàng tháng với mức 800.000 (tám trăm nghìn) đồng/tháng, kể từ tháng 10/2017 đến khi con Bùi Sơn N đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày chị H có đơn đề nghị thi hành án cho đến khi thi hành án xong về khoản tiền cấp dưỡng, hàng tháng anh N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

- Về án phí: Chị Nhữ Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ với tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Giang là 300.000 đồng (theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AB/2014/0002298, ngày 22/6/2017). Chị H đã nộp đủ án phí.

Anh Bùi Văn N phải chịu 300.000(ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng.

Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Bình Giang;
- THADS huyện Bình Giang;
- UBND xã T;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

NGUYỄN VĂN CƯỜNG